

(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 140

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 6,0 điểm

Câu 1. Gia tăng dân số cơ học là

- A. tương quan giữa số người sinh ra trong năm và số dân trung bình của năm đó.
- B. tổng của tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
- C. sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
- D. sự chênh lệch giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư.

Câu 2. Sản phẩm của công nghiệp điện lực có đặc điểm là:

- A. khó di chuyển từ địa điểm này đến địa điểm khác.
- B. không lưu giữ được.
- C. phong phú, đa dạng.
- D. Quá trình sản xuất ít đòi hỏi về trình độ kỹ thuật.

Câu 3. “Tiện lợi, cơ động dễ kết nối với các loại hình vận tải khác” là ưu thế của ngành giao thông vận tải

- A. đường hàng không.
- B. đường sắt.
- C. đường ô tô.
- D. đường biển.

Câu 4. Người ta thường chia dịch vụ thành 3 nhóm là

- A. dịch vụ kinh doanh, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ công.
- B. dịch vụ xã hội, dịch vụ sản xuất, dịch vụ đời sống.
- C. dịch vụ công, dịch vụ xã hội, dịch vụ kinh doanh.
- D. dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất, dịch vụ đời sống.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2018
(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2012	2014	2016	2018
Thành thị	28269,2	30035,4	31926,3	33830,0
Nông thôn	60540,1	60693,5	60765,9	60836,0

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số thành thị và nông thôn ở nước ta, giai đoạn 2012-2018, loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Cột.
- D. Đường.

Câu 6. Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của ngành dịch vụ:

- A. Khoa học - công nghệ phát triển làm thay đổi hình thức, cơ cấu, chất lượng dịch vụ.
- B. Quá trình sản xuất (cung ứng) và tiêu dùng (hưởng thụ) thường diễn ra đồng thời.
- C. Việc cung cấp dịch vụ thường diễn ra trong không gian rộng.
- D. Sản phẩm phân lớn là phi vật chất.

Câu 7. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI CỦA MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2020 (Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	Châu Phi	Châu Á	Châu Âu
0-14	40,0	23,5	16
15-64	56,0	67,7	65
65 trở lên	4,0	8,8	19

Dựa vào bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu dân số phân theo tuổi của một số châu lục năm 2020, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2005 - 2014**

(Đơn vị: %)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường biển	Đường hàng không
2005	1,9	64,7	24,2	9,1	0,1
2014	0,6	76,1	17,6	5,4	0,3

Để thể hiện cơ cấu hàng hóa được vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta năm 2005 và năm 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Cột. D. Miền.

Câu 9. Đặc điểm nào dưới đây **không** thuộc ngành công nghiệp điện tử tin học?

- A. Đòi hỏi lực lượng lao động có chuyên môn cao, kĩ thuật cao.
B. Là ngành công nghiệp trẻ, phát triển mạnh từ cuối thế kỉ XX.
C. Sản phẩm phong phú, đa dạng, luôn thay đổi về chất lượng mẫu mã theo hướng hiện đại.
D. Sử dụng nhiều năng lượng nên gây ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

Câu 10. Trong các nguồn lực phát triển kinh tế của lãnh thổ, tài nguyên biển được xếp và nhóm

- A. vị trí địa lí. B. nguồn lực kinh tế - xã hội.
C. nguồn lực tự nhiên. D. nguồn lực từ bên ngoài lãnh thổ.

Câu 11. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. địa hình và đất đai.
B. cây trồng và vật nuôi.
C. con người.
D. công cụ sản xuất, vật tư nông nghiệp.

Câu 12. Tư liệu sản xuất chủ yếu của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. vật nuôi. B. cây trồng.
C. khí hậu. D. đất trồng và mặt nước.

Câu 13. Trong giao thông vận tải, khối lượng vận chuyển được đánh giá bằng

- A. số lượt khách.km, số tấn hàng hoá.km.
B. cự li vận chuyển trung bình (km).
C. số lượt khách, số tấn hàng hoá vận chuyển.
D. tốc độ di chuyển (km/h).

Câu 14. Để chia sản xuất công nghiệp thành hai nhóm: công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến, người ta dựa vào

- A. tính chất tác động đến đối tượng lao động.
B. giá thành của sản phẩm.
C. đặc điểm của nguồn lao động.
D. đặc điểm của nguồn nguyên liệu.

Câu 15. Ngành giao thông vận tải ra đời muộn nhất nhưng có bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng là

- A. đường biển. B. đường hàng không.
C. đường ô tô. D. đường sắt.

Câu 16. Đặc điểm nào dưới đây khiến cho sản xuất công nghiệp có lượng chất thải ra môi trường nhiều?

- A. Có tính linh động cao về mặt phân bố không gian.
B. Gắn liền với sử dụng máy móc và áp dụng công nghệ.
C. Có mức độ tập trung hoá, chuyên môn hoá và hợp tác hoá rất cao.
D. Đòi hỏi tiêu thụ nguyên liệu đầu vào lớn.

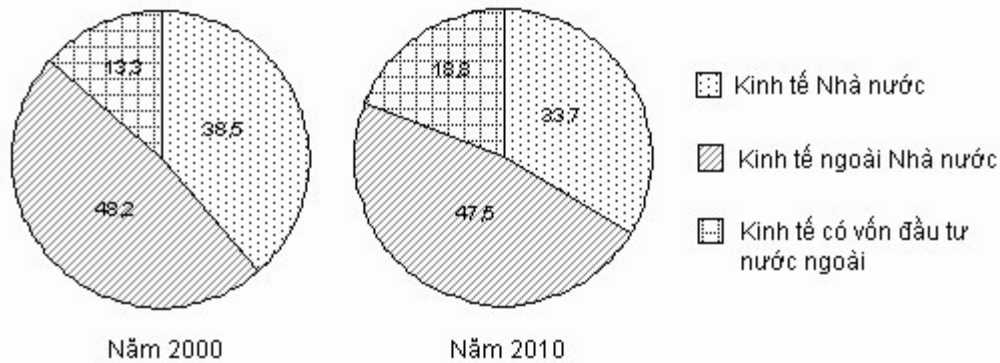
Câu 17. Nguồn lao động của lãnh thổ có vai trò

- A. quyết định sự phát triển của nền kinh tế.
B. tạo môi trường phát triển cho nền kinh tế.
C. là yếu tố đầu vào để sản xuất phát triển.
D. định hướng phát triển kinh tế trong tương lai.

Câu 18. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp thể hiện rõ ở việc

- A. hình thành các ngành công nghiệp mới.
- B. thay đổi hướng phát triển và các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.
- C. giúp các ngành công nghiệp phát triển nhanh và bền vững.
- D. xác định cơ cấu và phân bố sản xuất công nghiệp.

Câu 19. Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ NĂM 2007 VÀ 2010

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về sự thay đổi cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo thành phần kinh tế năm 2000 và 2010?

- A. Kinh tế Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng.
- B. Kinh tế ngoài nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng.
- C. Kinh tế Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất và có xu hướng giảm.
- D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ nhất nhưng tăng nhanh.

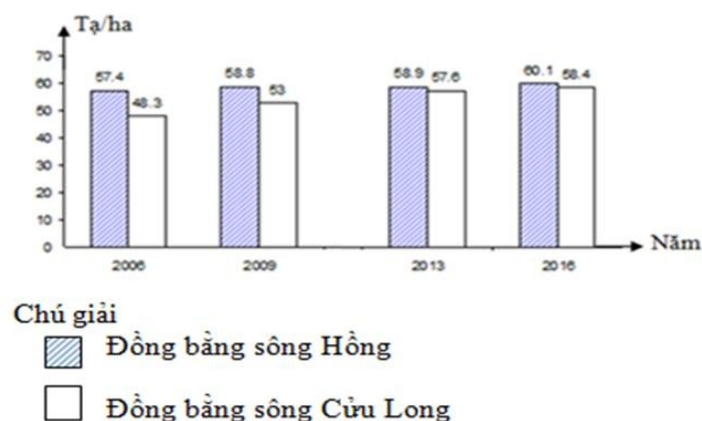
Câu 20. Đối với ngành dịch vụ, nhân tố có ý nghĩa chủ yếu trong việc thu hút vốn đầu tư, nguồn lao động chất lượng cao, tiếp cận thị trường bên ngoài là

- A. Nhân tố kinh tế xã hội.
- B. Nhân tố tự nhiên.
- C. Đặc điểm dân số và lao động.
- D. Vị trí địa lí.

Câu 21. Ảnh hưởng tích cực của đô thị hoá là

- A. tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.
- B. góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.
- C. làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.
- D. tỉ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.

Câu 22. Cho biểu đồ:



Chú giải
 Đồng bằng sông Hồng
 Đồng bằng sông Cửu Long

Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì?

- A. Tốc độ tăng sản lượng lúa của nước ta phân theo vùng giai đoạn 2006-2016.
- B. Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.
- C. Cơ cấu diện tích gieo trồng lúa của nước ta phân theo vùng giai đoạn 2006-2016.
- D. Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.

Câu 23. Cây lương thực chính của miền nhiệt đới là

- A. cao lương. B. lúa mì. C. lúa mạch. D. lúa gạo.

Câu 24. Nhân tố kinh tế - xã hội mang tính quyết định đến định hướng phát triển, trình độ phát triển, quy mô của ngành dịch vụ là

- A. Trình độ phát triển kinh tế. B. Vốn đầu tư, khoa học - công nghệ.
C. Thị trường. D. Đặc điểm dân số và lao động.

II. PHẦN TỰ LUẬN 4,0 điểm

Câu 25. (2,0 điểm)

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU MỎ TRÊN THẾ GIỚI THỜI KỲ 1990 – 2013

(Đơn vị: triệu tấn)

Sản phẩm	1990	2003	2010	2013
Dầu mỏ	3 331	3 904	3 615	3 690

a/. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ trên thế giới thời kỳ 1990-2013.

b/. Nhận xét và giải thích sự thay đổi sản lượng khai thác dầu mỏ trên thế giới thời kỳ 1990-2013.

Câu 26. (2,0 điểm)

a/. Kể tên sản phẩm chính công nghiệp thực phẩm của Việt Nam được xuất khẩu?

b/. Tại sao ngành công nghiệp thực phẩm được phát triển mạnh ở nước ta ?

----- **HẾT** -----